ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHIÊNG KHOÀI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 729/QĐ-UBND	*Phiêng Khoài, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp đường Liên Ái 1 - Ten Luông, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phiêng Khoài về việc giao danh mục dự án Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Kết quả thẩm định số 55/KQTĐ-KT ngày 03/11/2026 của Phòng Kinh tế xã Phiêng Khoài về việc báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp đường Liên Ái 1 - Ten Luông, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 211/TTr-KT ngày 03/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp đường Liên Ái 1 - Ten Luông, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường Liên Ái 1 - Ten Luông, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm C; công trình giao thông (đường giao thông nông thôn và cầu bản bê tông cốt thép trên tuyến), cấp IV; thời hạn sử dụng của công trình chính 15 năm.

3. Mã định danh (nếu có): Không có.

4. Địa điểm xây dựng dự án; diện tích sử dụng đất của dự án

- Địa điểm xây dựng: Xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La.

- Diện tích sử dụng đất: Tuyến đường được thiết kế chủ yếu trên nền đường cũ, có nắn chỉnh cục bộ tại một số vị trí; phần diện tích mở rộng, nắn chỉnh tuyến do Nhân dân tự nguyện hiến đất, không phát sinh chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Phiêng Khoài.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Phiêng Khoài. Địa chỉ: Thôn Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La. Điện thoại: 0949801984.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại 187. Địa chỉ: Số 301, đường Lê Duẩn, tổ 1, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La. MSDN: 5500680602.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông liên bản Liên Ái 1 - Ten Luông (hiện trạng nền đường rộng từ 3,5 ÷ 4,5 m, mặt đường và công trình thoát nước chưa được đầu tư đồng bộ, đi lại khó khăn, lầy lội, trơn trượt vào mùa mưa lũ) với mặt đường bê tông xi măng, cầu bản, cống và rãnh thoát nước đồng bộ; bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, thuận lợi cho Nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa, nông sản. Đồng thời, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn trên địa bàn xã Phiêng Khoài, tăng cường kết nối giữa các khu dân cư, vùng sản xuất; góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế chủ yếu hạng mục công trình: Tuyến đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn TCVN 10380:2014, tuyến 1 theo quy mô đường cấp B, tuyến 2 theo quy mô đường cấp C, có châm chước cục bộ một số yếu tố hình học trên cơ sở bảo đảm yêu cầu kinh tế - kỹ thuật. Với các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu sau:

9.1. Phần đường

- Tốc độ thiết kế: V_{tk} = 15 km/h.

- Tuyến 1: Bề rộng nền đường B_n = 5,0 m; bề rộng mặt đường B_m = 3,5 m; bề rộng lề đường B_L = 2 x 0,75 m = 1,5 m.

- Tuyến 2: Bề rộng nền đường B_n = 4,0 m; bề rộng mặt đường B_m = 3,0 m; bề rộng lề đường B_L = 2 x 0,5 m = 1,0 m.

- Mở rộng, siêu cao theo tiêu chuẩn.

- Độ dốc ngang: Mặt đường I_m = 2%, lề đường I_L = 4%.

- Độ dốc dọc lớn nhất I_{max} = 15%.

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: R_{min} = 10 m.

- Bán kính đường cong đứng lồi tối thiểu: $R_{lồi\ min}$ = 50 m; bán kính đường cong đứng lõm tối thiểu: $R_{lõm\ min}$ = 50 m.

- Mái taluy nền đào 1/0,75 đối với mái đất; mái taluy nền đắp 1/1,5 đối với nền đắp đất. Nền đắp trên sườn dốc ngang I > 20% đánh cấp trước khi đắp (bề rộng mỗi cấp tối thiểu 1 m).

- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng (BTXM) theo TCVN 10380:2014; cắt khe co, khe giãn tham khảo TCCS 39:2022/TCĐBVN. Kết cấu tính từ trên xuống: BTXM mác M250 dày 18 cm/lớp ngăn cách bằng bạt dứa/lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 12 cm/nền đường lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,95.

Tuyến được triển khai trên cơ sở tận dụng nền đường cũ hiện có, điều chỉnh cục bộ những vị trí chưa bảo đảm các chỉ tiêu cấp hạng, nhằm nâng cao điều kiện khai thác của tuyến đường.

9.2. Công trình thoát nước

- Rãnh dọc: Tiết diện hình thang, đáy rộng 0,4 m, sâu 0,4 m; phía vai đường độ dốc 1/1, phía taluy theo độ dốc taluy nền đường; dốc dọc rãnh theo dốc dọc đường. Các đoạn có độ dốc dọc lớn, qua khu dân cư, vị trí xung yếu gia cố bằng rãnh BTXM lắp ghép M200.

- Cống ngang đường: Cống bản bê tông cốt thép vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93, tần suất thiết kế P = 10%; thiết kế trên cơ sở thiết kế điển hình 69-34X; khẩu độ cống ≥ 1,0 m.

9.3. Cầu bản trên tuyến 1

- Cầu bản mố nhẹ bê tông cốt thép, chiều dài L = 6,0 m, chiều cao H = 4,5 m; khổ cầu B = 5,0 + (2 x 0,5) = 6,0 m; tải trọng thiết kế theo TCVN 11823:2017; tần suất thiết kế P = 4%.

- Tấm bản BTCT M300 dày 30 cm đổ tại chỗ; bản vượt BTCT M300 dày 20 cm đổ tại chỗ; tấm bản và bản vượt phủ lớp bê tông hạt mịn M300 tạo mui luyện; lan can BTCT M300 đổ tại chỗ, tay vịn ống thép D100 mm dày 4 mm.

- Mũ mố BTCT M250 đổ tại chỗ; thân mố, tường cánh, móng mố, móng tường cánh bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.

- Gia cố lòng và sân cầu bằng BTXM M200 dày 25 cm trên lớp đệm cấp phối dày 15 cm, chân khay BTXM M200; độ dốc lòng cầu i = 1%.

9.4. An toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống biển báo hiệu đường bộ tuân thủ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.5. Tổ chức giao thông: Bảo đảm lưu thông trên đường cũ do công trình vừa thi công vừa bảo đảm giao thông.

9.6. Các nội dung, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế đã được hoàn thiện theo kết quả thẩm định.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

- TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế (tham khảo);

- TCCS 39:2022/TCĐBVN - Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- TCCS 40:2022/TCĐBVN - Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9845:2013 - Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;

- TCVN 11823:2017 - Thiết kế cầu đường bộ;

- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

Các thiết kế điển hình:

- Thiết kế định hình cầu bản bê tông cốt thép mố nhẹ.

- Thiết kế điển hình cống bản 69-34X.

- Thiết kế điển hình cống dốc 83-02X.

- Thiết kế điển hình tường chắn đất 86-06X.

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 6.500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)*.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	5.550.539.000	đồng
- Chi phí QLDA:	149.305.000	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	546.482.000	đồng
- Chi phí khác:	34.775.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	218.899.000	đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không phát sinh chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; phần diện tích đất mở rộng, nắn chỉnh tuyến do Nhân dân tự nguyện hiến đất.

16. Các nội dung khác: Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các thủ tục và các điều kiện khởi công trước khi triển khai; tổ chức thực hiện đúng hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kết quả thẩm định được phê duyệt.

Điều 2. Phòng Kinh tế xã Phiêng Khoài (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung được phê duyệt; bảo đảm mục tiêu đầu tư, chất lượng công trình, tiến độ thực hiện, hiệu quả sử dụng vốn, tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu trình thẩm định, phê duyệt; tổ chức quản lý dự án, quản lý chất lượng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng; thực hiện lựa chọn nhà thầu,

nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình và các nội dung khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 08; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại 187 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Kho bạc Nhà nước khu vực X-Phòng giao dịch số 08 (để phối hợp);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT (Tắng 15b).

CHỦ TỊCH



Trần Nam Trung